

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14- 4 - 2023

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tổng Đức Hưởng;

2. Bà Thị Amina.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thái Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Tổ 9, ấp T, xã Đ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Ông **Trương Văn L**, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Tổ 9, ấp T, xã Đ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 01 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Trương Văn L sống chung với nhau từ năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh năm 2009. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó đến năm 2021 không còn hạnh phúc nữa do phát sinh nhiều mâu thuẫn, không cùng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên gây gổ với nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay, bà yêu cầu ly hôn với ông Trương Văn L.

Về con chung: Bà và ông L có 02 con chung gồm: Trương Minh T1, sinh năm 2001 và Trương Thị Thúy N, sinh năm 2004, các con chung đã trưởng thành, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trương Văn L đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tổng đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Trần Thị T là nguyên đơn, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Trương Văn L là bị đơn, đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông L là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị T đối với ông Trương Văn L.

Về án phí: Đương sự chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị T là nguyên đơn, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Trương Văn L là bị đơn vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông L.

[2] Về hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Trương Văn L chung sống với nhau từ năm 2000, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh vào ngày 08 tháng 5 năm 2009, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống, giữa bà T, ông L phát sinh mâu thuẫn, mà nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình, quan điểm sống khác nhau, không có tiếng nói chung. Bà T trình bày mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể sống chung với nhau nên yêu cầu ly hôn. Ông L đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án, không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 02 tháng 3 năm 2023 (bút lục số 24) tại địa phương thấy rằng mâu thuẫn hôn nhân giữa bà T, ông L là do ông L thường xuyên uống rượu về gây gổ, xô xát với bà T, hiện tại mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông L là có căn cứ phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cho bà T được ly hôn với ông L.

[4] Về nuôi con chung: Bà Trần Thị T và ông Trương Văn L có 02 con chung gồm Trương Minh T1, sinh năm 2001 và Trương Thị Thúy N, sinh năm 2004. Các con chung đã trưởng thành, bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị T với ông Trương Văn L.
2. Về nuôi con chung: Ghi nhận 02 con chung Trương Minh T1, sinh năm 2001 và Trương Thị Thúy N, sinh năm 2004, đã trưởng thành, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận, bà Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà T đã nộp tại biên lai thu số 0007894 ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận, bà T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.
5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị T và ông Trương Văn L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS H.Tân Châu;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Phạm Thị Xuân Lan